

Số: 24/2019/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 06 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lê Hồng D, sinh năm: 1985, địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G.

- Bị đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1985, địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Hồng D và chị Phan Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hồng D và chị Phan Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn vì mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ, cuộc sống chung không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung và nuôi con chung: Anh D và chị T công nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung tên: Lê Hồng Tr, sinh ngày 12/11/2009.

Anh D và chị T tự nguyện thỏa thuận giao cháu Lê Hồng Tr cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tr 2.000.000đồng/tháng, tính từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi cháu Tr thành niên và có khả năng lao động, tự lập được.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh D và chị T đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Hồng D tự nguyện chịu hết 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch về ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003084 ngày 19/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Anh D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ KIM THOA